



# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000744 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền kéo nén

Kiểu (Type): WE-1000B Số (Serial No): 140401 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 200)kN, d=0,4kN  
Phạm vi đo: (0 ÷ 500)kN, d= 1kN  
Phạm vi đo: (0 ÷ 1000)kN, d=2kN

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 02-2024

Máy thử độ bền kéo nén – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Loadcell DS60        | TB02.1               | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

  
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



  
GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000744

Trang (Page): 2/2

|   | Giá trị chỉ thị TB<br>(kN) | Giá trị chỉ thị chuẩn<br>(kN) | Số hiệu chính<br>(kN) |
|---|----------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| 1 | 0                          | 0,00                          | 0,00                  |
| 2 | 100                        | 100,14                        | 1,14                  |
| 3 | 200                        | 201,43                        | 1,43                  |
| 4 | 400                        | 401,82                        | 1,82                  |
| 5 | 600                        | 602,01                        | 2,01                  |
| 6 | 800                        | 802,40                        | 2,40                  |
| 7 | 900                        | 904,55                        | 4,55                  |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000745 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền nén

Kiểu (Type): TYE-2000 Số (Serial No): 042 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 2000) kN; d = 5kN  
Phạm vi đo: (0 ÷ 800) kN; d = 2,5kN

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 02-2024

Máy thử độ bền nén – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Loadcell DS60        | TB02.1               | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000745

Trang (Page): 2/2

|   | Lực đo<br>(kN)         | Giá trị chỉ thị TB<br>(kN) | Lực đo<br>(kN)          | Giá trị chỉ thị TB<br>(kN) |
|---|------------------------|----------------------------|-------------------------|----------------------------|
|   | Phạm vi đo (0 ÷ 800)kN |                            | Phạm vi đo (0 ÷ 2000)kN |                            |
| 1 | 0                      | 0,0                        | 0                       | 0,0                        |
| 2 | 100                    | 99,2                       | 300                     | 298,3                      |
| 3 | 200                    | 198,3                      | 500                     | 497,1                      |
| 4 | 300                    | 297,8                      | 800                     | 798,2                      |
| 5 | 400                    | 398,0                      | 1000                    | 997,7                      |
| 6 | 500                    | 498,2                      | 1200                    | 1195,5                     |
| 7 | 600                    | 598,0                      | 1500                    | 1494,6                     |
| 8 | 700                    | 697,3                      | 1800                    | 1792,2                     |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$   
(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000746 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền nén

Kiểu (Type): TYA-2000 Số (Serial No): 2346 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 2000)kN  
Độ phân giải: 0,01kN

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Nơi hiệu chuẩn (Place of calibration): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 02-2024  
Máy thử độ bền nén – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Loadcell DS60        | TB02.1               | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc  
(Director)



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

### KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000746

Trang (Page): 2/2

| TT | Giá trị chỉ thị TB<br>(kN) | Giá trị chỉ thị chuẩn<br>(kN) | Số hiệu chính<br>(kN) |
|----|----------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| 1  | 0                          | 0,0                           | 0,0                   |
| 2  | 300                        | 301,1                         | 1,1                   |
| 3  | 500                        | 502,2                         | 2,2                   |
| 4  | 800                        | 803,5                         | 3,5                   |
| 5  | 1000                       | 996,3                         | 3,7                   |
| 6  | 1200                       | 1193,4                        | 6,6                   |
| 7  | 1500                       | 1492,3                        | 7,7                   |
| 8  | 1800                       | 1788,2                        | 11,8                  |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

#### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000792 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy thủy bình tự động (Optical Lever)

Kiểu (Type): NA2/NAK Số (Serial No): 431350 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Độ phóng đại ống kính (Magnification): 24X

Cấp chính xác trên 1km đo đi đo về (Standard deviation for 1km double-run leveling):  $\pm 2\text{mm}$

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): QTKT-05-HNS

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)         | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|------------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Hệ thống Colimator<br>W420-3 | TB18.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000792

Trang (Page): 2/2

| Danh mục (Item)                             | Tiêu chuẩn (Specification) | Kiểm tra và hiệu chỉnh (Checking Calibration) |
|---------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------|
| Bọt thủy tròn (Circular)                    | 10'/2mm                    | Đạt (ok)                                      |
| Hệ thống tự động cân bằng (Compensation)    | $\pm 0.5''/15'$            | Đạt (ok)                                      |
| Chất lượng quang học (Quality of mechanics) | Trong suốt (Clear)         | Đạt (ok)                                      |
| Chất lượng cơ khí (Quality of mechanics)    | Tốt (Good)                 | Đạt (ok)                                      |
| Dội tâm quang học (Optical plummet)         |                            |                                               |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8.10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%)

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000791 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy toàn đạc điện tử

Kiểu (Type): NA2

Số (Serial No): 431350

Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): NIKON

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Độ chính xác đo góc:  $\pm 5$

Góc đọc nhỏ nhất: 1"

Độ chính xác đo cạnh:  $\pm (3 + 2.\text{ppm} \times D)\text{mm}$

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ISO 17123-3:2001

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

### Chuẩn

(Standards)

Máy toàn đạc Leica TCA 1101:  $\pm 1''$ ;

$\pm (1 + \text{ppm} \times D)\text{mm}$

Máy thủy chuẩn Nikon AS-2C:  $\pm$

0.8mm/1km

Hệ thống corllimator: Leica

Geosystems.

### Mã nhận dạng

(ID)

TB19.1

### Liên kết chuẩn

(Traceable to)

VMI

### Hiệu lực đến

(Due date)

3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

+ Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn

(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Ngô Văn Thịnh

Giám đốc

(Director)



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000791

Trang (Page): 2/2

Bảng kết quả kiểm tra sai số 2C sau khi hiệu chuẩn:

| Lần đo | Số đo góc ngang  |                 | Sai số 2C  |
|--------|------------------|-----------------|------------|
|        | Số đo thuận kính | Số đo phải kính |            |
| 1      | 0° 00' 00"       | 180° 00' 00"    | 0° 00' 02" |
| 2      | 60° 00' 00"      | 240° 00' 00"    | 0° 00' 01" |
| 3      | 120° 00' 00"     | 300° 00' 00"    | 0° 00' 01" |

Hạn sai cho phép: Sai số 2C (Đường chuyển hạng IV)  $\leq 12''$ , Thiết bị đạt yêu cầu

Bảng kết quả kiểm tra sai số chỉ tiêu:

| Lần đo | Số đo góc đứng   |                 | Sai số 2C  |
|--------|------------------|-----------------|------------|
|        | Số đo thuận kính | Số đo phải kính |            |
| 1      | 90° 00' 00"      | 270° 00' 00"    | 0° 00' 02" |
| 2      | 90° 00' 00"      | 270° 00' 01"    | 0° 00' 01" |
| 3      | 90° 00' 00"      | 270° 00' 01"    | 0° 00' 01" |

Hạn sai cho phép: Sai số MO (Đường chuyển hạng IV)  $\leq 10''$ , Thiết bị đạt yêu cầu

Bảng kết quả kiểm tra chiều dài cạnh:

| Lần đo | Chiều dài cạnh chuẩn (m) | Giá trị đo được (m) | Sai số chiều dài cạnh (m) |
|--------|--------------------------|---------------------|---------------------------|
| 1      | 50.000                   | 50.001              | -0.001                    |
| 2      |                          | 49.999              | +0.001                    |
| 3      |                          | 50.000              | 0.000                     |
| 1      | 100.000                  | 100.000             | 0.000                     |
| 2      |                          | 100.001             | -0.001                    |
| 3      |                          | 100.002             | -0.002                    |
| 1      | 200.000                  | 200.000             | 0.000                     |
| 2      |                          | 200.001             | -0.001                    |
| 3      |                          | 200.002             | -0.002                    |
| 1      | 500.000                  | 500.000             | 0.000                     |
| 2      |                          | 500.001             | -0.001                    |
| 3      |                          | 500.001             | -0.001                    |

Hạn sai cho phép: Sai số chiều dài cạnh  $\geq 1/12.000$ , Thiết bị đạt yêu cầu

\* Nhiệt độ hiệu chuẩn  $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$ ; Với độ không đảm bảo đo  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

\* Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025      Số (№): HC000793      Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy khoan đất khoáng**

Kiểu (Type): XY-1      Số (Serial №): 210179      Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Xem bảng ở trang sau

(See table on the next page)

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): MK.29 – 2014

Máy khoan địa chất – Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Thiết bị đo          | TB20.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$       + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

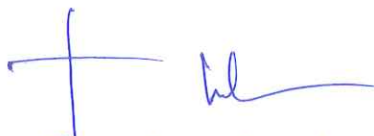
Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Các cơ cấu của thiết bị hoạt động ổn định, đồng bộ, an toàn.

Đủ điều kiện đưa thiết bị vào sử dụng với các thông số của nhà chế tạo.

**Trưởng phòng hiệu chuẩn**  
(Head of Calibration Department)

**Giám đốc**  
(Director)

  
**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
*Ngô Văn Thịnh*



  
**GIÁM ĐỐC**  
**Đỗ Đăng Chung**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (№): HC000793

Trang (Page): 2/2

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT MÁY KHOAN XY – 1

Các thông số kỹ thuật của máy khoan

|                                                |                         |
|------------------------------------------------|-------------------------|
| Chiều sâu khoan                                | 100m                    |
| Đường kính mở lỗ                               | 110mm                   |
| Đường kính lỗ khoan sau cùng                   | 75mm                    |
| Đường kính ống khoan                           | 42mm                    |
| Kích thước (L x W x H)                         | 1640 x 1030 x 1440      |
| Trọng lượng                                    | 500 kg                  |
| Tốc độ đầu quay ( 3 tốc độ)                    | 142; 285; 570 vòng/phút |
| Chiều dài trục quay                            | 450mm                   |
| Lực khoan xuống tối đa                         | 20kN                    |
| Khả năng nâng lên tối đa                       | 25kN                    |
| Khả năng nâng lên tối đa( một tốc độ, cấp đơn) | 10kN                    |
| Áp suất tối đa                                 | 1,2 MPa                 |
| Áp suất làm việc                               | 0,7 MPa                 |
| Công suất của động cơ diesel                   | 8,8kW                   |
| Tốc độ quay                                    | 1800 vòng/phút          |
| Công suất động cơ điện                         | 7,5kW                   |
| Tốc độ quay động cơ điện                       | 1440 vòng/phút          |
| Máy bơm                                        | 77L/phút                |

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (№): HC000794 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy khoan đất khoáng

Kiểu (Type): XY-1A-4 Số (Serial №): 210624 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Xem bảng ở trang sau

(See table on the next page)

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): MK.29 – 2014

Máy khoan địa chất – Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Thiết bị đo          | TB20.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Các cơ cấu của thiết bị hoạt động ổn định, đồng bộ, an toàn.

Đủ điều kiện đưa thiết bị vào sử dụng với các thông số của nhà chế tạo.

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

  
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



  
GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



hiệu chuẩn & đo lường  
VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

### KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (№): HC00

Trang (Page): 2/2

#### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT MÁY KHOAN XY – 1A -4

Các thông số kỹ thuật của máy khoan

|                                         |                                |
|-----------------------------------------|--------------------------------|
| Chiều sâu khoan                         | 150 mét                        |
| Đường kính lỗ khoan lớn nhất ban đầu    | 150 mm                         |
| Đường kính lỗ khoan sau cùng            | 75 mm                          |
| Đường kính ống khoan                    | 42 mm                          |
| Phạm vi góc khoan                       | 90°- 75°                       |
| Tốc độ trục chính                       | 140;295;470;790;1010 vòng/phút |
| Lực ép trục chính lớn nhất (thủy lực)   | 15 KN                          |
| Lực nâng trục chính lớn nhất (thủy lực) | 25 KN                          |
| Sức tời tốc độ 1, cấp đơn               | 11 kN                          |
| Trọng lượng                             | 420 kg                         |

Các thông số kỹ thuật của thiết bị SPT

|                  |                     |               |
|------------------|---------------------|---------------|
| Đầu xuyên        | Chiều dài           | 810 mm        |
|                  | Đường kính ngoài    | 51 ± 1,5 mm   |
|                  | Đường kính trong    | 38 ± 1,5 mm   |
| Mũi xuyên        | Chiều dày mũi xuyên | 25 ÷ 75 mm    |
|                  | Đường kính trong    | 35 ÷ 0,15 mm  |
|                  | Bề dày lưỡi cắt     | 2,5 ÷ 0,25 mm |
|                  | Góc vát lưỡi cắt    | (16 ÷ 23) °   |
| Búa đóng tạo     | Trọng lượng búa     | 63,5 ± 1 kg   |
| năng lượng xuyên | Chiều cao rơi tự do | 76 ± 2,5 cm   |

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.





## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000761 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Tủ sấy

Kiểu (Type): HN101-2A Số (Serial No): 40P5 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range):  $(0 \div 300) ^\circ\text{C}$

Độ phân giải (Resolution):  $1 ^\circ\text{C}$

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 07-2024

Tủ nhiệt ẩm - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)                       | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|--------------------------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Thiết bị hiệu chuẩn nhiệt độ – độ ẩm HG600 | TB01.6               | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2) ^\circ\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

  
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



  
GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
**(RESULTS OF CALIBRATION)**

Ngày (Date of issue): 01/06/2025      Số (№): HC00

Trang (Page): 2/2



|   | <b>Nhiệt độ (°C)</b><br>(Temperature) | <b>Giá trị chỉ thị</b><br>(Indicated value) | <b>Số hiệu chỉnh</b><br>(Corected value) |
|---|---------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|
| 1 | 80                                    | 80                                          | 0                                        |
| 2 | 105                                   | 105                                         | 0                                        |
| 3 | 120                                   | 121                                         | 1                                        |
| 4 | 150                                   | 151                                         | 1                                        |

**Ghi chú (Notes):**

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000762 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Tủ sấy

Kiểu (Type): 101-2A Số (Serial No): 3303 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range):  $(10 \div 250) ^\circ\text{C}$

Độ phân giải (Resolution):  $1 ^\circ\text{C}$

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 07-2024

Tủ nhiệt ẩm - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)                       | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|--------------------------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Thiết bị hiệu chuẩn nhiệt độ – độ ẩm HG600 | TB01.6               | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2) ^\circ\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

  
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



  
GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC00

Trang (Page): 2/2



|   | Nhiệt độ (°C)<br>(Temperature) | Giá trị chỉ thị<br>(Indicated value) | Số hiệu chỉnh<br>(Corrected value) |
|---|--------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|
| 1 | 80                             | 80                                   | 0                                  |
| 2 | 105                            | 105                                  | 0                                  |
| 3 | 120                            | 121                                  | 1                                  |
| 4 | 150                            | 151                                  | 1                                  |

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM





## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000763 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Bể ổn nhiệt**

Kiểu (Type): MT2

Số (Serial No): TT-23

Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):

Phạm vi đo (Range):  $(25 \div 100) ^\circ\text{C}$

Độ phân giải (Resolution):  $1 ^\circ\text{C}$

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCDL 07-2024

Tủ nhiệt ẩm - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Chuẩn**

(Standards)

Thiết bị hiệu chuẩn nhiệt độ – độ ẩm HG600

**Mã nhận dạng**

(ID)

TB01.6

**Liên kết chuẩn**

(Traceable to)

VMI

**Hiệu lực đến**

(Due date)

5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2) ^\circ\text{C}$

+ Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

**Trưởng phòng hiệu chuẩn**

(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Ngô Văn Thịnh

**Giám đốc**

(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Đỗ Đăng Chung**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
**(RESULTS OF CALIBRATION)**

Ngày (Date of issue): 08/04/2025

Số (No): HC000763

Trang (Page): 2/2



|   | Nhiệt độ (°C)<br>(Temperature) | Giá trị chỉ thị<br>(Indicated value) | Số hiệu chỉnh<br>(Corrected value) |
|---|--------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|
| 1 | 40                             | 39,9                                 | 0,1                                |
| 2 | 60                             | 59,8                                 | 0,2                                |
| 3 | 80                             | 79,7                                 | 0,3                                |
| 4 | 100                            | 99,7                                 | 0,3                                |

**Ghi chú (Notes):**

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**(CERTIFICATE OF CALIBRATION)**

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (№): HC000764 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): **Máy ly tâm chiết nhựa**

Kiểu (Type): H6106 Số (Serial №): 140501 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Tốc độ quay: (0 ÷ 3000)rpm  
Đường kính nổi: (310÷311)mm  
Chiều cao nổi: (109÷110)mm

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): DL.M-09.19

Máy ly tâm – Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)    | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|-------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Máy đo tốc độ vòng quay | TB01.4               | VMI                              | 5/2026                     |
| Thước kẹp điện tử       | TB01.1               |                                  |                            |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results):

|                                      |      |      |      |      |
|--------------------------------------|------|------|------|------|
| Tốc độ chuẩn (Standard Value)/rpm    | 1500 | 2000 | 2500 | 3000 |
| Tốc độ chỉ thị (Indicated alue)/ rpm | 1497 | 1995 | 2496 | 2994 |
| Số hiệu chỉnh (Corrected Value)/ rpm | + 3  | + 5  | +4   | +6   |

**Trưởng phòng hiệu chuẩn**  
(Head of Calibration Department)

**Giám đốc**  
(Director)

  
**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
*Ngô Văn Thịnh*



  
**GIÁM ĐỐC**  
**Đỗ Đăng Chung**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: [doluongvn283@gmail.com](mailto:doluongvn283@gmail.com)

### KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000765 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Lò nung

Kiểu (Type): LN-23 Số (Serial No): 0513-86315603 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range):  $(0 \div 1000) ^\circ\text{C}$

Độ phân giải (Resolution):  $1 ^\circ\text{C}$

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 138 – 2004

Lò nung – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| 525A/Fluke/USA       | M.TB1.25             | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2) ^\circ\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

  
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



  
GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (№): HC000765

Trang (Page): 2/2

|                                      |       |       |       |       |        |
|--------------------------------------|-------|-------|-------|-------|--------|
| Nhiệt độ chuẩn (Standard Value)/°C   | 200.0 | 400.0 | 600.0 | 800.0 | 1000.0 |
| Nhiệt độ chỉ thị (Indicated alue)/°C | 201   | 402   | 602   | 803   | 1004   |
| Số hiệu chỉnh (Corrected Value)/°C   | + 1.0 | + 2.0 | + 2.0 | + 3.0 | + 4.0  |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025      Số (№): HC000766      Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân điện tử**

Kiểu (Type): Shinko      Số (Serial №): 5376235214      Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):      Mức cân lớn nhất  $M_{max} = 15 \text{ kg}$   
Giá trị độ chia nhỏ nhất:  $d = 0,5\text{g}$

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): M.31 – 10

Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Bộ quả cân F2        | M.TB1.09             | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$       + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

  
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Chính



  
GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000766

Trang (Page): 2/2

|   | Mức cân<br>(g) | Giá trị chỉ thị của cân<br>(g) | Số hiệu chính<br>(g) |
|---|----------------|--------------------------------|----------------------|
| 1 | 0              | 0                              | 0                    |
| 2 | 3000           | 3000,0                         | 0                    |
| 3 | 6000           | 6000,0                         | 0                    |
| 5 | 9000           | 9000,0                         | 0                    |
| 6 | 12000          | 12000,0                        | 0                    |
| 7 | 15000          | 15000,0                        | 0                    |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$   
(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000758 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị thử độ cứng bê tông bằng phương pháp bật nảy**

Kiểu (Type): C380 Số (Serial No): C380/AG/1016 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Matest - Ý

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (10 ÷ 100)R

Giá trị độ chia: 2R

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 08-2024

Thiết bị thử độ cứng bê tông bằng phương pháp bật nảy – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Đe chuẩn C390        | TB02.2               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results):

| TT              | R1 | R2 | R3 | R4 | R5 | Rtb  | Sai số<br>tuyệt đối |
|-----------------|----|----|----|----|----|------|---------------------|
| Giá trị bật nảy | 80 | 80 | 79 | 81 | 81 | 80,2 | ± 0.2               |

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
*Ngô Văn Thịnh*



GIÁM ĐỐC  
*Đỗ Đăng Chung*

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.







# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000759 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị giãn dài nhựa**

Kiểu (Type): Cơ điện Số (Serial No): M.1026.16 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Theo tiêu chuẩn ASTM D 113

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): M.16.2011

Thiết bị đo giãn dài nhựa – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)                    | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|-----------------------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Thiết bị kiểm tra tốc độ<br>Thuốc chuẩn | TB01.6               | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results):

| Tốc độ<br>kéo | Chiều dày khuôn | Khoảng cách giữa<br>2 đỉnh khuôn | Chiều rộng nhỏ<br>nhất của khuôn | Sai lệch phép<br>đo chiều dài |
|---------------|-----------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|
| Mm/ph         | mm              | mm                               | mm                               | %                             |
| 50±1          | 10±0,01         | 70±0,5                           | 10±0,1                           | ≤ 1                           |

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc  
(Director)

GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: [doluongvn283@gmail.com](mailto:doluongvn283@gmail.com)

# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.





## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000760 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị đo kim lún nhựa đường

Kiểu (Type): DF-6 Số (Serial No): 85618433 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Theo tiêu chuẩn TCVN 7495

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 02-2024

Thiết bị đo kim lún nhựa - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Loadcell 100         | TB02.1               | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

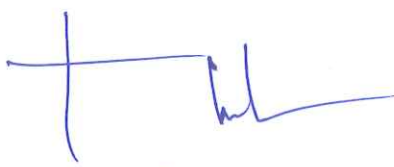
Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

  
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



  
GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

### KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000760

Trang (Page): 2/2

| STT | Nội dung kiểm tra          | Kết quả                                | Ghi chú |
|-----|----------------------------|----------------------------------------|---------|
| 1   | Khối lượng quả tải trọng 1 | $50 \pm 0,01g$                         |         |
| 2   | Khối lượng quả tải trọng 2 | $100 \pm 0,01g$                        |         |
| 3   | Khối lượng trục kim và kim | $50 \pm 0,01g$                         |         |
| 4   | Chiều dài kim              | $50 \div 55mm$                         |         |
| 5   | Đường kính thân kim        | $1,00 \div 1,02mm$                     |         |
| 6   | Sai số phép đo chiều sâu   | $\leq 1\%$                             |         |
| 7   | Phạm vi đo nhiệt độ        | $(20 \div 80) ^\circ C / 0.1 ^\circ C$ |         |

#### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000747 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): **Máy đầm tạo mẫu marshall**

Kiểu (Type): MJ-IZ Số (Serial Số): 14043 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Trọng lượng búa: 4536g

Chiều cao rơi: 457mm

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 03-2026

Thiết bị đầm - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Chuẩn**

(Standards)

Bộ quả cân E2 – Thước chuẩn

**Mã nhận dạng**

(ID)

TB1.09

**Liên kết chuẩn**

(Traceable to)

VMI

**Hiệu lực đến**

(Due date)

5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

+ Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Đạt yêu cầu kỹ thuật

**Trưởng phòng hiệu chuẩn**

(Head of Calibration Department)

**Giám đốc**

(Director)

  
**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
*Ngô Văn Thịnh*



  
**GIÁM ĐỐC**  
**Đỗ Đăng Chung**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: [doluongvn283@gmail.com](mailto:doluongvn283@gmail.com)

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000753 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Máy đầm CBR/Protor tự động

Kiểu (Type): JZ-2D Số (Serial No): 14031 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Trọng lượng búa: 4540g và 2500g

Chiều cao rơi: 457mm và 305mm

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 03-2026

Thiết bị đầm - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)        | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|-----------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Bộ quả cân E2 – Thước chuẩn | TB1.09               | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Đạt yêu cầu kỹ thuật

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



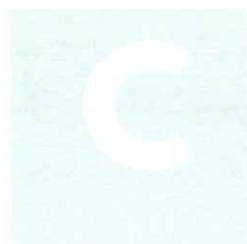
HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: [doluongvn283@gmail.com](mailto:doluongvn283@gmail.com)

### KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.





## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025      Số (№): HC000754      Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị đo hàm lượng parafin nhựa đường**

Kiểu (Type): CXS-10      Số (Serial №): 181001      Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):      Nhiệt độ chỉ thị số:

Độ phân giải/ Resolution: 0.01°C

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 04-2026

Thiết bị đo hàm lượng Parafin - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)                         | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Bộ đo ghi nhiệt độ hiện số<br>Nhiệt kế chuẩn | TB01.6               | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$       + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results):      Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

**Trưởng phòng hiệu chuẩn**  
(Head of Calibration Department)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
*Ngô Văn Thịnh*

**Giám đốc**  
(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Đỗ Đăng Chung**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

### KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 08/04/2025

Số (No): HC000754

Trang (Page): 2/2

| Nhiệt độ cài đặt<br>°C<br>Set Temperature | Thời điểm kiểm tra<br>(*)<br>min<br>Checking time | Giá trị chỉ thị<br>°C<br>Indication value | Giá trị chuẩn/ Reference Value °C |                   |                   |
|-------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------|-------------------|
|                                           |                                                   |                                           | Vị trí 1<br>Pas 1                 | Vị trí 2<br>Pas 2 | Vị trí 3<br>Pas 3 |
|                                           |                                                   | -20.09<br>đến/to<br>-19.88                |                                   |                   |                   |
| -20.0                                     | 0                                                 | -20.09                                    | -20.08                            | -19.97            | -19.95            |
|                                           | 4                                                 | -20.02                                    | -19.97                            | -19.95            | -19.98            |
|                                           | 16                                                | -19.98                                    | -20.04                            | -19.95            | -20.02            |
|                                           | 20                                                | -19.92                                    | -19.95                            | -20.02            | -19.93            |
|                                           | 29                                                | -19.88                                    | -19.89                            | -19.89            | -19.96            |
|                                           | 33                                                | -19.91                                    | -19.93                            | -19.94            | -19.92            |

#### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.





## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025      Số (No): HC000755      Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị xác định độ nhớt Saybolt của nhựa đường**

Kiểu (Type): SYD-0623      Số (Serial No): KAQ06A1806004AA      Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: TCVN 8817: 2011

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 109 – 2002

Thiết bị xác định độ nhớt Saybolt– Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)    | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|-------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Nhiệt kế điện trở chuẩn | TB01.5               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$       + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Thiết bị hoạt động phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 8817: 2011

**Trưởng phòng hiệu chuẩn**  
(Head of Calibration Department)

**Giám đốc**  
(Director)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
*Ngô Văn Thịnh*

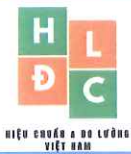


**GIÁM ĐỐC**  
**Đỗ Đăng Chung**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.







# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (№): HC000756 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Máy thí nghiệm điện tích hạt

Kiểu (Type): SYD-0653 Số (Serial №): ZZ0006531805027 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Điện áp nguồn (supply voltage): DC 6V  
Điện áp tối đa (maximum voltage): 30mA

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): TCVN 8817-5 / EN 1430 / ASTM D244

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| DE 1995              | M.TB1.28             | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tối (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Thiết bị đạt yêu cầu đo lường

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc  
(Director)



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.







# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (№): HC000757 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Teromet (Máy đo điện trở tiếp đất)

Kiểu (Type): 4105A Số (Serial №): E8034830 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Kyoritsu – Thái Lan

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: 30V/1200Ω

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): DLVN 143 : 2004

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| DE 1995              | M.TB1.28             | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh

GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.







## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025      Số (№): HC000767      Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân điện tử**

Kiểu (Type): ALC-15A      Số (Serial №): 58821100468      Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):      Mức cân lớn nhất  $M_{max} = 15 \text{ kg}$   
Giá trị độ chia nhỏ nhất:  $d = 0,5g$

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): M.31 – 10  
Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Bộ quả cân F2        | M.TB1.09             | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$       + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

**Trưởng phòng hiệu chuẩn**  
(Head of Calibration Department)

**Giám đốc**  
(Director)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
*Ngô Văn Chính*



**GIÁM ĐỐC**  
**Đỗ Đăng Chung**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000767

Trang (Page): 2/2



| TT | Mức cân<br>(g) | Giá trị chỉ thị của cân<br>(g) | Số hiệu chính<br>(g) |
|----|----------------|--------------------------------|----------------------|
| 1  | 0              | 0                              | 0                    |
| 2  | 3000           | 3000,0                         | 0                    |
| 3  | 6000           | 6000,0                         | 0                    |
| 5  | 9000           | 9000,0                         | 0                    |
| 6  | 12000          | 12000,0                        | 0                    |
| 7  | 15000          | 15000,0                        | 0                    |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$   
(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000768

Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân điện tử**

Kiểu (Type): RC21P15

Số (Serial No): 8334490260

Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Ohaus - Mỹ

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Mức cân lớn nhất  $M_{max} = 15 \text{ kg}$   
Giá trị độ chia nhỏ nhất:  $d = 0,5g$

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): M.31 – 10

Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Chuẩn**

**Mã nhận dạng**

**Liên kết chuẩn**

**Hiệu lực đến**

(Standards)

(ID)

(Traceable to)

(Due date)

Bộ quả cân F2

M.TB1.09

VMI

5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

**Trưởng phòng hiệu chuẩn**  
(Head of Calibration Department)

**Giám đốc**  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

*Ngô Văn Thịnh*



**GIÁM ĐỐC**  
**Đỗ Đăng Chung**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000768

Trang (Page): 2/2



|   | Mức cân<br>(g) | Giá trị chỉ thị của cân<br>(g) | Số hiệu chính<br>(g) |
|---|----------------|--------------------------------|----------------------|
| 1 | 0              | 0                              | 0                    |
| 2 | 3000           | 3000,0                         | 0                    |
| 3 | 6000           | 6000,0                         | 0                    |
| 5 | 9000           | 9000,0                         | 0                    |
| 6 | 12000          | 12000,0                        | 0                    |
| 7 | 15000          | 15000,0                        | 0                    |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$   
(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025      Số (№): HC000769      Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân điện tử**

Kiểu (Type): ALC-15A      Số (Serial №): 58821100553      Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):      Mức cân lớn nhất  $M_{max} = 15 \text{ kg}$   
Giá trị độ chia nhỏ nhất:  $d = 0,5g$

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): M.31 – 10  
Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Bộ quả cân F2        | M.TB1.09             | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$       + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

  
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



  
GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC00769

Trang (Page): 2/2



|   | Mức cân<br>(g) | Giá trị chỉ thị của cân<br>(g) | Số hiệu chính<br>(g) |
|---|----------------|--------------------------------|----------------------|
| 1 | 0              | 0                              | 0                    |
| 2 | 3000           | 3000,0                         | 0                    |
| 3 | 6000           | 6000,0                         | 0                    |
| 5 | 9000           | 9000,0                         | 0                    |
| 6 | 12000          | 12000,0                        | 0                    |
| 7 | 15000          | 15000,0                        | 0                    |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$   
(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000770 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Cân điện tử

Kiểu (Type): Shinko Số (Serial No): 5821631238 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Mức cân lớn nhất  $M_{max} = 15 \text{ kg}$   
Giá trị độ chia nhỏ nhất:  $d = 0,5\text{g}$

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): M.31 – 10

Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Bộ quả cân F2        | M.TB1.09             | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

  
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



  
GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000770

Trang (Page): 2/2



| TT | Mức cân<br>(g) | Giá trị chỉ thị của cân<br>(g) | Số hiệu chính<br>(g) |
|----|----------------|--------------------------------|----------------------|
| 1  | 0              | 0                              | 0                    |
| 2  | 3000           | 3000,0                         | 0                    |
| 3  | 6000           | 6000,0                         | 0                    |
| 5  | 9000           | 9000,0                         | 0                    |
| 6  | 12000          | 12000,0                        | 0                    |
| 7  | 15000          | 15000,0                        | 0                    |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025      Số (Số): HC000771      Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân điện tử**

Kiểu (Type): GS- 3202      Số (Serial No): 5882102055      Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):      Mức cân lớn nhất  $M_{max} = 3200g$   
Giá trị độ chia nhỏ nhất:  $d = 0,01g$

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): M.31 – 10

Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Bộ quả cân F2        | M.TB1.09             | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}C$       + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

**Trưởng phòng hiệu chuẩn**  
(Head of Calibration Department)

**Giám đốc**  
(Director)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
*Ngô Văn Thịnh*



**GIÁM ĐỐC**  
**Đỗ Đăng Chung**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



hiệu chuẩn & đo lường  
VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

### KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000771

Trang (Page): 2/2

|   | Giá trị chỉ thị thiết bị<br>(g) | Giá trị chỉ thị chuẩn<br>(g) | Số hiệu chính<br>(g) |
|---|---------------------------------|------------------------------|----------------------|
| 1 | 0                               | 0                            | 0                    |
| 2 | 500                             | 500,000                      | 0                    |
| 3 | 1000                            | 1000,001                     | 0,001g               |
| 5 | 1500                            | 1500,002                     | 0,002g               |
| 6 | 2000                            | 2000,002                     | 0,002g               |
| 7 | 3000                            | 3000,005                     | 0,005g               |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$   
(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

#### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.





## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000772 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy nén đất tam liên

Kiểu (Type): WG

Số (Serial No): 88

Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range):  $(0 \div 2400)$  N

Đồng hồ so:  $(0 \div 10)$  mm

Tiết diện dao cắt:  $50\text{cm}^2$ ; Tỷ lệ cánh tay đòn 1/10

Tiết diện dao cắt:  $30\text{cm}^2$ ; Tỷ lệ cánh tay đòn 1/12

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75 – 2001

Máy nén đất tam liên – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)     | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|--------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| TB hiệu chuẩn đồng hồ so | UDT-2                | VMI                              | 3/2026                     |
| Loadcell DS60            | TB02.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Chính

Giám đốc  
(Director)



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000772

Trang (Page): 2/2



| Cấp tải<br>(kPa)                     | Lực nén<br>(N) | Lực đo được theo từng dàn N |          |          |
|--------------------------------------|----------------|-----------------------------|----------|----------|
|                                      |                | Dàn số 1                    | Dàn số 2 | Dàn số 3 |
| Tiết diện dao vòng 30cm <sup>2</sup> |                |                             |          |          |
| 12,5                                 | 37,5           | 37,4                        | 37,6     | 37,4     |
| 25,0                                 | 75,5           | 75,6                        | 74,9     | 74,8     |
| 50,0                                 | 150,0          | 149,6                       | 149,2    | 148,8    |
| 100,0                                | 300,0          | 300,4                       | 303,2    | 298,3    |
| 200,0                                | 600,0          | 605,1                       | 595,2    | 594,5    |
| 300,0                                | 900,0          | 898,1                       | 905,4    | 894,8    |
| 400,0                                | 1 200,0        | 1 209,2                     | 1 198,4  | 1 189,3  |
| Tiết diện dao vòng 50cm <sup>2</sup> |                |                             |          |          |
| 25,0                                 | 125,0          | 129,2                       | 125,5    | 125,2    |
| 50,0                                 | 250,0          | 250,5                       | 249,6    | 251,2    |
| 100,0                                | 500,0          | 499,6                       | 498,4    | 500,7    |
| 200,0                                | 1 000,0        | 997,7                       | 995,1    | 998,4    |
| 500,0                                | 2 000,0        | 2 011,3                     | 2 011,4  | 2 013,5  |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000773 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy nén đất tam liên**

Kiểu (Type): WG Số (Serial No): 89 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range):  $(0 \div 2400)$  N

Đồng hồ so:  $(0 \div 10)$  mm

Tiết diện dao cắt:  $50\text{cm}^2$ ; Tỷ lệ cánh tay đòn 1/10

Tiết diện dao cắt:  $30\text{cm}^2$ ; Tỷ lệ cánh tay đòn 1/12

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75 – 2001

Máy nén đất tam liên – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)     | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|--------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| TB hiệu chuẩn đồng hồ so | UDT-2                | VMI                              | 3/2026                     |
| Loadcell DS60            | TB02.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc  
(Director)

GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000773

Trang (Page): 2/2



| Cấp tải<br>(kPa)                     | Lực nén<br>(N) | Lực đo được theo từng dàn N |          |          |
|--------------------------------------|----------------|-----------------------------|----------|----------|
|                                      |                | Dàn số 1                    | Dàn số 2 | Dàn số 3 |
| Tiết diện dao vòng 30cm <sup>2</sup> |                |                             |          |          |
| 12,5                                 | 37,5           | 37,5                        | 37,1     | 37,2     |
| 25,0                                 | 75,5           | 75,1                        | 73,5     | 74,4     |
| 50,0                                 | 150,0          | 149,3                       | 149,4    | 148,2    |
| 100,0                                | 300,0          | 300,3                       | 303,4    | 298,7    |
| 200,0                                | 600,0          | 605,7                       | 595,7    | 594,2    |
| 300,0                                | 900,0          | 898,5                       | 905,4    | 894,7    |
| 400,0                                | 1 200,0        | 1 209,2                     | 1 198,4  | 1 189,4  |
| Tiết diện dao vòng 50cm <sup>2</sup> |                |                             |          |          |
| 25,0                                 | 125,0          | 129,2                       | 125,7    | 125,6    |
| 50,0                                 | 250,0          | 250,1                       | 249,5    | 251,7    |
| 100,0                                | 500,0          | 499,5                       | 498,3    | 500,4    |
| 200,0                                | 1 000,0        | 997,8                       | 995,7    | 998,5    |
| 500,0                                | 2 000,0        | 2 011,4                     | 2 011,7  | 2 013,5  |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$   
(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





hiệu chuẩn & đo lường  
VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

# GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000774 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy nén đất tam liên

Kiểu (Type): WG Số (Serial No): 102 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 2400) N

Đồng hồ so: (0 ÷ 10) mm

Tiết diện dao cắt: 50cm<sup>2</sup>; Tỷ lệ cánh tay đòn 1/10

Tiết diện dao cắt: 30cm<sup>2</sup>; Tỷ lệ cánh tay đòn 1/12

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75 – 2001

Máy nén đất tam liên – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)     | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|--------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| TB hiệu chuẩn đồng hồ so | UDT-2                | VMI                              | 3/2026                     |
| Loadcell DS60            | TB02.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Ngô Văn Chính

Giám đốc  
(Director)



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000774

Trang (Page): 2/2



| Cấp tải<br>(kPa)                     | Lực nén<br>(N) | Lực đo được theo từng dàn N |          |          |
|--------------------------------------|----------------|-----------------------------|----------|----------|
|                                      |                | Dàn số 1                    | Dàn số 2 | Dàn số 3 |
| Tiết diện dao vòng 30cm <sup>2</sup> |                |                             |          |          |
| 12,5                                 | 37,5           | 37,2                        | 37,4     | 37,3     |
| 25,0                                 | 75,5           | 75,1                        | 73,7     | 74,4     |
| 50,0                                 | 150,0          | 149,3                       | 149,4    | 148,5    |
| 100,0                                | 300,0          | 300,9                       | 303,7    | 298,5    |
| 200,0                                | 600,0          | 605,5                       | 595,3    | 594,2    |
| 300,0                                | 900,0          | 898,1                       | 905,5    | 894,3    |
| 400,0                                | 1 200,0        | 1 209,4                     | 1 198,6  | 1 189,8  |
| Tiết diện dao vòng 50cm <sup>2</sup> |                |                             |          |          |
| 25,0                                 | 125,0          | 129,4                       | 125,3    | 125,2    |
| 50,0                                 | 250,0          | 250,7                       | 249,2    | 251,4    |
| 100,0                                | 500,0          | 499,7                       | 498,8    | 500,4    |
| 200,0                                | 1 000,0        | 997,2                       | 995,4    | 998,7    |
| 500,0                                | 2 000,0        | 2 011,3                     | 2 011,4  | 2 013,7  |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$   
(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000775 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy nén đất tam liên

Kiểu (Type): WG

Số (Serial No): 152

Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):

Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 2400) N

Đồng hồ so: (0 ÷ 10) mm

Tiết diện dao cắt: 50cm<sup>2</sup>; Tỷ lệ cánh tay đòn 1/10

Tiết diện dao cắt: 30cm<sup>2</sup>; Tỷ lệ cánh tay đòn 1/12

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75 – 2001

Máy nén đất tam liên – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn

(Standards)

TB hiệu chuẩn đồng hồ so

Loadcell DS60

Mã nhận dạng

(ID)

UDT-2<sup>†</sup>

TB02.1

Liên kết chuẩn

(Traceable to)

VMI

VMI

Hiệu lực đến

(Due date)

3/2026

3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C

+ Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn

(Head of Calibration Department)

Giám đốc

(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC

Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000775

Trang (Page): 2/2



| Cấp tải<br>(kPa)                     | Lực nén<br>(N) | Lực đo được theo từng dàn N |          |          |
|--------------------------------------|----------------|-----------------------------|----------|----------|
|                                      |                | Dàn số 1                    | Dàn số 2 | Dàn số 3 |
| Tiết diện dao vòng 30cm <sup>2</sup> |                |                             |          |          |
| 12,5                                 | 37,5           | 37,6                        | 37,6     | 37,3     |
| 25,0                                 | 75,5           | 75,4                        | 73,9     | 74,8     |
| 50,0                                 | 150,0          | 149,6                       | 149,1    | 148,9    |
| 100,0                                | 300,0          | 300,5                       | 303,1    | 298,4    |
| 200,0                                | 600,0          | 605,3                       | 595,5    | 594,1    |
| 300,0                                | 900,0          | 898,4                       | 905,5    | 894,5    |
| 400,0                                | 1 200,0        | 1 209,1                     | 1 198,2  | 1 189,7  |
| Tiết diện dao vòng 50cm <sup>2</sup> |                |                             |          |          |
| 25,0                                 | 125,0          | 129,2                       | 125,4    | 125,5    |
| 50,0                                 | 250,0          | 250,4                       | 249,7    | 251,5    |
| 100,0                                | 500,0          | 499,7                       | 498,1    | 500,3    |
| 200,0                                | 1 000,0        | 997,3                       | 995,4    | 998,8    |
| 500,0                                | 2 000,0        | 2 011,2                     | 2 011,3  | 2 013,2  |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC001113 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy nén đất tam liên

Kiểu (Type): WG Số (Serial No): 32 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range):  $(0 \div 2400)$  N  
Đồng hồ so:  $(0 \div 10)$  mm

Tiết diện dao cắt:  $50\text{cm}^2$ ; Tỷ lệ cánh tay đòn 1/10

Tiết diện dao cắt:  $30\text{cm}^2$ ; Tỷ lệ cánh tay đòn 1/12

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75 – 2001

Máy nén đất tam liên – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)     | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|--------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| TB hiệu chuẩn đồng hồ so | UDT-2                | VMI                              | 3/2026                     |
| Loadcell DS60            | TB02.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Chính

Giám đốc  
(Director)



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC001113 Trang (Page): 2/2



| Cấp tải<br>(kPa)                     | Lực nén<br>(N) | Lực đo được theo từng dàn N |          |          |
|--------------------------------------|----------------|-----------------------------|----------|----------|
|                                      |                | Dàn số 1                    | Dàn số 2 | Dàn số 3 |
| Tiết diện dao vòng 30cm <sup>2</sup> |                |                             |          |          |
| 12,5                                 | 37,5           | 37,5                        | 37,2     | 37,4     |
| 25,0                                 | 75,5           | 75,2                        | 73,9     | 74,5     |
| 50,0                                 | 150,0          | 149,2                       | 149,4    | 148,5    |
| 100,0                                | 300,0          | 300,5                       | 303,3    | 298,5    |
| 200,0                                | 600,0          | 605,5                       | 595,4    | 594,6    |
| 300,0                                | 900,0          | 898,2                       | 905,7    | 894,9    |
| 400,0                                | 1 200,0        | 1 209,2                     | 1 198,7  | 1 189,3  |
| Tiết diện dao vòng 50cm <sup>2</sup> |                |                             |          |          |
| 25,0                                 | 125,0          | 129,5                       | 125,3    | 125,1    |
| 50,0                                 | 250,0          | 250,3                       | 249,4    | 251,2    |
| 100,0                                | 500,0          | 499,2                       | 498,8    | 500,1    |
| 200,0                                | 1 000,0        | 997,5                       | 995,6    | 998,7    |
| 500,0                                | 2 000,0        | 2 011,3                     | 2 011,7  | 2 013,8  |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$   
 (Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC001112 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy nén đất tam liên

Kiểu (Type): WG Số (Serial No): 395 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 2400) N

Đồng hồ so: (0 ÷ 10) mm

Tiết diện dao cắt: 50cm<sup>2</sup>; Tỷ lệ cánh tay đòn 1/10

Tiết diện dao cắt: 30cm<sup>2</sup>; Tỷ lệ cánh tay đòn 1/12

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75 – 2001

Máy nén đất tam liên – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)     | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|--------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| TB hiệu chuẩn đồng hồ so | UDT-2                | VMI                              | 3/2026                     |
| Loadcell DS60            | TB02.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc  
(Director)



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐLVN Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC001112 Trang (Page): 2/2

| Cấp tải<br>(kPa)                     | Lực nén<br>(N) | Lực đo được theo từng dàn N |          |          |
|--------------------------------------|----------------|-----------------------------|----------|----------|
|                                      |                | Dàn số 1                    | Dàn số 2 | Dàn số 3 |
| Tiết diện dao vòng 30cm <sup>2</sup> |                |                             |          |          |
| 12,5                                 | 37,5           | 37,3                        | 37,4     | 37,7     |
| 25,0                                 | 75,5           | 75,7                        | 73,5     | 74,2     |
| 50,0                                 | 150,0          | 149,4                       | 149,5    | 148,4    |
| 100,0                                | 300,0          | 300,3                       | 303,1    | 298,2    |
| 200,0                                | 600,0          | 605,7                       | 595,9    | 594,4    |
| 300,0                                | 900,0          | 898,5                       | 905,8    | 894,3    |
| 400,0                                | 1 200,0        | 1 209,7                     | 1 198,5  | 1 189,2  |
| Tiết diện dao vòng 50cm <sup>2</sup> |                |                             |          |          |
| 25,0                                 | 125,0          | 129,8                       | 125,5    | 125,1    |
| 50,0                                 | 250,0          | 250,3                       | 249,5    | 251,3    |
| 100,0                                | 500,0          | 499,4                       | 498,3    | 500,4    |
| 200,0                                | 1 000,0        | 997,7                       | 995,2    | 998,5    |
| 500,0                                | 2 000,0        | 2 011,1                     | 2 011,7  | 2 013,5  |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$   
 (Độ không đảm bảo đo được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000776 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy cắt phẳng**

Kiểu (Type): ZJ

Số (Serial No): 046

Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo:  $(0 \div 1200)$ N

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): DLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Loadcell DS60        | TB02.1               | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

+ Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000776

Trang (Page): 2/2

| TT | Giá trị chỉ thị trên<br>đồng hồ<br>( $\mu\text{m}$ ) | Giá trị tính toán<br>( N ) | Lực đo được<br>( N ) |
|----|------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------|
| 1  | 0                                                    | 0                          | 0                    |
| 2  | 300                                                  | 170                        | 170                  |
| 3  | 600                                                  | 346                        | 344                  |
| 4  | 900                                                  | 508                        | 507                  |
| 5  | 1200                                                 | 670                        | 672                  |
| 6  | 1500                                                 | 832                        | 835                  |
| 7  | 1800                                                 | 995                        | 996                  |
| 8  | 2100                                                 | 1157                       | 1155                 |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

Phương trình hiệu chuẩn ( Calibration equation ):

- Khoảng cách sử dụng từ (0-300)  $\mu\text{m}$   $F = 0.568 \times L$
- Khoảng cách sử dụng từ (310-2100)  $\mu\text{m}$   $F = 0.54 \times L = 21.81$

Trong đó F là lực tính toán, (N), L: Số chỉ trên đồng hồ  $\mu\text{m}$ .

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC001114

Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy cắt phẳng**

Kiểu (Type): JZ

Số (Serial No): 0286

Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo:  $(0 \div 1200)$ N

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): DLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Chuẩn**

(Standards)

Loadcell DS60

**Mã nhận dạng**

(ID)

TB02.1

**Liên kết chuẩn**

(Traceable to)

VMI

**Hiệu lực đến**

(Due date)

5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

+ Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

**Trưởng phòng hiệu chuẩn**

(Head of Calibration Department)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**

*Ngô Văn Chính*

**Giám đốc**

(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Đỗ Đăng Chung**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC001114

Trang (Page): 2/2

| TT | Giá trị chỉ thị trên đồng hồ (μm) | Giá trị tính toán (N) | Lực đo được (N) |
|----|-----------------------------------|-----------------------|-----------------|
| 1  | 0                                 | 0                     | 0               |
| 2  | 300                               | 170                   | 171             |
| 3  | 600                               | 346                   | 345             |
| 4  | 900                               | 508                   | 504             |
| 5  | 1200                              | 670                   | 673             |
| 6  | 1500                              | 832                   | 832             |
| 7  | 1800                              | 995                   | 998             |
| 8  | 2100                              | 1157                  | 1157            |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

Phương trình hiệu chuẩn ( Calibration equation ):

- Khoảng cách sử dụng từ (0-300) μm  $F = 0.568 \times L$
- Khoảng cách sử dụng từ (310-2100) μm  $F = 0.54 \times L = 21.81$

Trong đó F là lực tính toán, (N), L: Số chỉ trên đồng hồ μm.

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000777 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử mài mòn Los Angeles

Kiểu (Type): T1.0001 Số (Serial No): 140433 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7572:2006

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): DL.M-09.19

Máy mài mòn Los – Angeles – Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)    | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|-------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Máy đo tốc độ vòng quay | TB01.4               | VMI                              | 5/2026                     |
| Cân kỹ thuật            | TB01.2               |                                  |                            |
| Thước kẹp điện tử       | TB01.1               |                                  |                            |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (№): HC000777

Trang (Page): 2/2

| TT | Thông số                             | Giá trị đo được |
|----|--------------------------------------|-----------------|
| 1  | Tốc độ quay (vòng/phút)              | 31              |
| 2  | Đường kính bi (mm)                   | 47.1 ÷ 47.5     |
| 3  | Trọng lượng bi (g)                   | 393÷400         |
| 4  | Đường kính trong thùng chứa mẫu (mm) | 711 ± 5         |
| 5  | Chiều dài trong thùng chứa mẫu (mm)  | 508 ± 5         |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8.10^{-2}$   
(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM





## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (№): HC000778 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy nén CBR/MARSHALL**

Kiểu (Type): T11.001 Số (Serial №): 140422 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo lực:  $(0 \div 50)$  kN  
Tốc độ CBR: 1,27mm/phút  
Tốc độ Marshall: 50,8mm/phút

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 03-2024

Loadcell DS60 - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Loadcell DS60        | TB02.1               | VMI                              | 5/2026                     |
| Bộ căn mẫu chuẩn     | TB02.12              |                                  |                            |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

**Trưởng phòng hiệu chuẩn**  
(Head of Calibration Department)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
*Ngô Văn Chính*

**Giám đốc**  
(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Đỗ Đăng Chung**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (№): HC000778

Trang (Page): 2/2

| TT                     | Lực đo<br>(kN) | Giá trị chỉ thị TB<br>(Vạch x 0,01mm) |
|------------------------|----------------|---------------------------------------|
| Phạm vi đo (0 ÷ 50) kN |                |                                       |
| 1                      | 0              | 0                                     |
| 2                      | 5              | 22                                    |
| 3                      | 10             | 47                                    |
| 4                      | 15             | 70                                    |
| 5                      | 20             | 94                                    |
| 6                      | 25             | 117                                   |
| 7                      | 30             | 142                                   |
| 8                      | 35             | 166                                   |
| 9                      | 40             | 190                                   |
| 10                     | 45             | 216                                   |

$$F(x) = -0.00003x^2 + 0.2155x + 0.0764$$

F(x): - Lực nén, x: Số (Vạch = 0,01mm) chỉ trên đồng hồ

\* Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000779 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực 30KN

Kiểu (Type): MC Số (Serial No): A8119 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo lực:  $(0 \div 30)$  kN

Đồng hồ so:  $(0-10)$  mm

Độ chia: 0.01 mm

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 03-2024

Loadcell DS60 - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Loadcell DS60        | TB02.1               | VMI                              | 5/2026                     |
| Bộ căn mẫu chuẩn     | TB02.12              |                                  |                            |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Chính



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000779

Trang (Page): 2/2

|    | Lực đo<br>(kN) | Giá trị chỉ thị TB<br>(Vạch x 0,01mm) |
|----|----------------|---------------------------------------|
| 01 | 0              | 0,0                                   |
| 02 | 3              | 23,2                                  |
| 03 | 5              | 39,2                                  |
| 04 | 8              | 63,8                                  |
| 05 | 10             | 79,2                                  |
| 06 | 15             | 119,2                                 |
| 07 | 20             | 159,3                                 |
| 08 | 25             | 199,2                                 |
| 09 | 30             | 240,3                                 |

$$F(x) = 0,000009x^2 + 0,1225x + 0,1123$$

F(x): lực nén (Kn); x: Số vạch chỉ trên đồng hồ (Vạch = 0,01mm)

\* Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000780 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực 10KN

Kiểu (Type): MC Số (Serial No): 02230112 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo lực:  $(0 \div 10)$  kN  
Đồng hồ so:  $(0-10)$ mm  
Độ chia: 0.01mm

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 03-2024

Loadcell DS60 - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Loadcell DS60        | TB02.1               | VMI                              | 5/2026                     |
| Bộ căn mẫu chuẩn     | TB02.12              |                                  |                            |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

  
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc  
(Director)



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000780

Trang (Page): 2/2

| TT | Lực đo<br>(kN) | Giá trị chỉ thị TB<br>(Vạch x 0,01mm) |
|----|----------------|---------------------------------------|
| 01 | 0              | 100                                   |
| 02 | 1              | 133                                   |
| 03 | 2              | 162                                   |
| 04 | 3              | 193                                   |
| 05 | 4              | 225                                   |
| 06 | 5              | 256                                   |
| 07 | 6              | 288                                   |
| 08 | 8              | 352                                   |
| 09 | 10             | 418                                   |

$$F(x) = -0,00000394x^2 + 0,0336x - 3,35$$

F(x): lực nén (kN); x: Số vạch chỉ trên đồng hồ (Vạch = 0,01mm)

\* Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361.999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000785 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No): 2123179 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo:  $(0 \div 50)\text{mm}$ ,  $d = 0,01\text{mm}$

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75 – 2001

Đồng hồ đo biến dạng – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)   | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| TB kiểm tra đồng hồ so | TB11.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Sai số tổng :  $\pm 14 \mu\text{m}$ . Độ hồi sai :  $\pm 5 \mu\text{m}$   
Độ không đảm bảo đo  $U = (5,8 + 6.2.L) \mu\text{m}$  với hệ số phủ  $k = 2$ ,  
mức tin cậy  $P = 95\%$ ;  $[L]:\text{m}$

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc  
(Director)

GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.







# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000784 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No): 2502270 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo:  $(0 \div 50)\text{mm}$ ,  $d = 0,01\text{mm}$

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75 – 2001

Đồng hồ đo biến dạng – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)   | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| TB kiểm tra đồng hồ so | TB11.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Sai số tổng :  $\pm 14 \mu\text{m}$ . Độ hồi sai :  $\pm 5 \mu\text{m}$   
Độ không đảm bảo đo  $U = (5,8 + 6.2.L) \mu\text{m}$  với hệ số phủ  $k = 2$ ,  
mức tin cậy  $P = 95\%$ ;  $[L]:\text{m}$

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh

GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.







## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025      Số (No): HC000786      Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): MC      Số (Serial No): 4A08819      Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo:  $(0 \div 50)\text{mm}$ ,  $d = 0,01\text{mm}$

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75 – 2001

Đồng hồ đo biến dạng – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)   | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| TB kiểm tra đồng hồ so | TB11.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$       + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

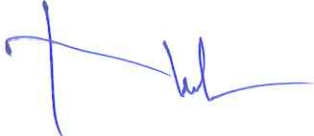
Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Sai số tổng :  $\pm 14 \mu\text{m}$ . Độ hồi sai :  $\pm 5 \mu\text{m}$

Độ không đảm bảo đo  $U = (5,8 + 6.2.L) \mu\text{m}$  với hệ số phủ  $k = 2$ ,  
mức tin cậy  $P = 95\%$ ;  $[L]:\text{m}$

**Trưởng phòng hiệu chuẩn**  
(Head of Calibration Department)

**Giám đốc**  
(Director)

  
**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
*Ngô Văn Thịnh*



  
**GIÁM ĐỐC**  
**Đỗ Đăng Chung**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.







# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000781 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ đo biến dạng

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No): 1009444 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo:  $(0 \div 10)\text{mm}$ ,  $d = 0,01\text{mm}$

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75 – 2001

Đồng hồ đo biến dạng – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)   | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| TB kiểm tra đồng hồ so | TB11.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Đặt lại số :  $\pm 7 \mu\text{m}$ . Độ hồi sai :  $\pm 3 \mu\text{m}$   
Độ không đảm bảo đo  $U = (5,8 + 6.2.L) \mu\text{m}$  với hệ số phủ  $k = 2$ ,  
mức tin cậy  $P = 95\%$ ; [L]:m

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.







# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000782 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ đo biến dạng

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No): 13174 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo:  $(0 \div 10)\text{mm}$ ,  $d = 0,01\text{mm}$

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75 – 2001

Đồng hồ đo biến dạng – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)   | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| TB kiểm tra đồng hồ so | TB11.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Đặt lại số :  $\pm 7 \mu\text{m}$ . Độ hồi sai :  $\pm 3 \mu\text{m}$ .  
Độ không đảm bảo đo  $U = (5,8 + 6.2.L) \mu\text{m}$  với hệ số phủ  $k = 2$ ,  
mức tin cậy  $P = 95\%$ ;  $[L]:\text{m}$

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh

GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.







hiệu chuẩn & đo lường  
VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

# GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000783 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ đo biến dạng

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No): 13954 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo:  $(0 \div 10)\text{mm}$ ,  $d = 0,01\text{mm}$

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75 – 2001

Đồng hồ đo biến dạng – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)   | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| TB kiểm tra đồng hồ so | TB11.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Đặt lại số :  $\pm 7 \mu\text{m}$ . Độ hồi sai :  $\pm 3 \mu\text{m}$   
Độ không đảm bảo đo  $U = (5,8 + 6.2.L) \mu\text{m}$  với hệ số phủ  $k = 2$ ,  
mức tin cậy  $P = 95\%$ ;  $[L]:\text{m}$

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.







## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025      Số (№): HC000787      Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cần đo Benkelman**

Kiểu (Type): T12.004      Số (Serial №): 14018      Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Tiêu chuẩn AASHTO T256-77

Phạm vi đo:  $(0 \div 10)$  mm

Giá trị độ chia 0,01mm; Tỷ lệ 2/1

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HN.M – 08.19

Cần đo Benkelman – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Bộ căn lá            | M.TB1.25             | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$       + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

**Trưởng phòng hiệu chuẩn**  
(Head of Calibration Department)

**Giám đốc**  
(Director)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
*Ngô Văn Thịnh*



**GIÁM ĐỐC**  
**Đỗ Đăng Chung**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000787

Trang (Page): 2/2

| Căn Mẫu<br>Chuẩn | Chỉ thị tương ứng<br>(mm) | Giá trị theo căn mẫu<br>(mm) | Chỉ thị trên đồng hồ<br>(mm) |
|------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 2                | 1                         | 0.94                         | -0.06                        |
| 4                | 2                         | 1.97                         | -0.03                        |
| 6                | 3                         | 2.98                         | -0.02                        |
| 8                | 4                         | 3.89                         | -0.11                        |
| 10               | 5                         | 4.87                         | -0.13                        |
| 12               | 6                         | 5.82                         | -0.18                        |
| 16               | 8                         | 7.78                         | -0.22                        |
| 20               | 10                        | 9.75                         | -0.25                        |

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025      Số (No): HC000797      Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân điện tử**

Kiểu (Type): ALC-15      Số (Serial No): 5881718275      Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):      Mức cân lớn nhất  $M_{max} = 15 \text{ kg}$   
Giá trị độ chia nhỏ nhất:  $d = 0,5\text{g}$

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): M.31 – 10  
Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Bộ quả cân F2        | M.TB1.09             | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$       + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

  
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
*Ngô Văn Thịnh*



  
GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

### KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000797

Trang (Page): 2/2



|   | Mức cân<br>(g) | Giá trị chỉ thị của cân<br>(g) | Số hiệu chính<br>(g) |
|---|----------------|--------------------------------|----------------------|
| 1 | 0              | 0                              | 0                    |
| 2 | 3000           | 3000,0                         | 0                    |
| 3 | 6000           | 6000,0                         | 0                    |
| 5 | 9000           | 9000,0                         | 0                    |
| 6 | 12000          | 12000,0                        | 0                    |
| 7 | 15000          | 15000,0                        | 0                    |

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$   
(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

#### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000798 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Nhiệt kế kim loại

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No): HC000798 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Hàn Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range):  $(0 \div 250)^{\circ}\text{C}$

Độ phân giải (Resolution):  $2,5^{\circ}\text{C}$

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 13-2024

Nhiệt kế chỉ thị hiện số và tương tự - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)    | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|-------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Nhiệt kế điện tử TA612C | TB01.5               | VMI                              | 3/2026                     |
| Lò nhiệt MY-S1200       | TB01.12              |                                  |                            |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025      Số (No): HC000798

Trang (Page): 2/2

|                                           |    |     |     |     |     |
|-------------------------------------------|----|-----|-----|-----|-----|
| Nhiệt độ chuẩn<br>(Standard Value)/ °C    | 50 | 100 | 150 | 200 | 250 |
| Nhiệt độ chỉ thị<br>(Indicated value)/ °C | 50 | 100 | 150 | 200 | 250 |
| Số hiệu chỉnh<br>(Corrected Value)/ °C    | 0  | 0   | 0   | 0   | 0   |

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000799 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Nhiệt kế kim loại

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No): HC000799 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Hàn Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range):  $(0 \div 350)^{\circ}\text{C}$

Độ phân giải (Resolution):  $3,5^{\circ}\text{C}$

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 13-2024

Nhiệt kế chỉ thị hiện số và tương tự - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards)    | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|-------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Nhiệt kế điện tử TA612C | TB01.5               | VMI                              | 3/2026                     |
| Lò nhiệt MY-S1200       | TB01.12              |                                  |                            |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000799

Trang (Page): 2/2

|                                           |    |     |     |     |     |
|-------------------------------------------|----|-----|-----|-----|-----|
| Nhiệt độ chuẩn<br>(Standard Value)/ °C    | 50 | 100 | 150 | 200 | 300 |
| Nhiệt độ chỉ thị<br>(Indicated value)/ °C | 50 | 100 | 150 | 200 | 300 |
| Số hiệu chỉnh<br>(Corrected Value)/ °C    | 0  | 0   | 0   | 0   | 0   |

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 27/05/2025 Số (№): HC000740 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **CÂN ĐIỆN TỬ**

Kiểu (Type): ALC- 15A Số (Serial №): 58824010297 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Mức cân lớn nhất  $M_{max} = 15\text{kg}$   
Giá trị độ chia nhỏ nhất:  $d = 0,5\text{g}$

Khách hàng (Customer): **Công Ty Cổ Phần Khảo Sát Thiết Kế Xây Dựng Đất Việt**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, P. Tân Bình, Tp. Hải Dương.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): M.31- 10

Cân kỹ thuật - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): TB01.2

Bộ quả cân E2 được kết nối với Trung Tâm Đo Lường- VMI

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| TB01.2               | TB03.1               | VMI                              | 5/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

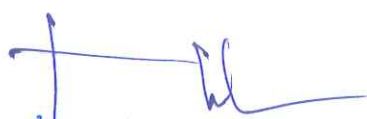
Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 27/05/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 27/05/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

**Trưởng phòng hiệu chuẩn**  
(Head of Calibration Department)

**Giám đốc**  
(Director)

  
**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
*Ngô Văn Chính*

  
**GIÁM ĐỐC**  
**Đỗ Đăng Chung**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



|   | Mức cân<br>(kg) | Số chỉ của cân<br>(kg) | Sai số<br>(g) |
|---|-----------------|------------------------|---------------|
| 1 | 0               | 0                      | 0             |
| 2 | 3               | 3,000 0                | 0             |
| 3 | 6               | 6,000 0                | 0             |
| 4 | 9               | 9,000 0                | 0             |
| 5 | 12              | 12,000 0               | 0             |
| 6 | 15              | 15,000 0               | 0             |

\* Nhiệt độ hiệu chuẩn (*Calibration temperature*):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

\* Với độ không đảm bảo đo (*With the uncertainty of*):  $U = 2\text{g}$

\* Hệ số phủ  $k=2$ , mức tin cậy 95%

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000788 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Kích thủy lực 15 tấn**

Kiểu (Type): Thủy lực Số (Serial No): M.1183.16 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo danh nghĩa:  $(0 \div 150)$ kN

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 01-2024

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Loadcell DS60        | TB02.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000788

Trang (Page): 2/2

| TT | Giá trị chỉ thị trên đồng hồ<br>(Mpa) | Lực đo được<br>(KN) |
|----|---------------------------------------|---------------------|
| 1  | 0                                     | 0,0                 |
| 2  | 5                                     | 16,0                |
| 3  | 10                                    | 35,1                |
| 4  | 15                                    | 52,2                |
| 5  | 20                                    | 71,6                |
| 6  | 25                                    | 90,2                |
| 7  | 30                                    | 109,3               |
| 8  | 35                                    | 123,6               |

Phương trình hiệu chuẩn:  $F(x) = 0,03 x^2 + 3,05 x$

Trong đó:  $F(x)$ : Lực đo được (kN)

$x$ : Chỉ số hiển thị trên đồng hồ áp (MPa)

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8.10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000795 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Kích thủy lực**

Kiểu (Type): 50T Số (Serial No): Zb2307 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo danh nghĩa:  $(0 \div 500)\text{kN}$

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 01-2024

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Loadcell DS60        | TB02.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
*Ngô Văn Chinh*



GIÁM ĐỐC  
**Đỗ Đăng Chung**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

### KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 19/05/2025 Số (No): HC000795

Trang (Page): 2/2

|   | Giá trị chỉ thị trên đồng hồ<br>(MPa) | Lực đo được<br>(kN) |
|---|---------------------------------------|---------------------|
| 1 | 0,0                                   | 0                   |
| 2 | 10                                    | 267                 |
| 3 | 20                                    | 531                 |
| 4 | 30                                    | 796                 |
| 5 | 40                                    | 1059                |
| 6 | 50                                    | 1323                |
| 7 | 60                                    | 1587                |
| 8 | 70                                    | 1851                |

Phương trình hiệu chuẩn:  $F(x) = -0,0015x^2 + 26,532x + 0,8333$

Trong đó:  $F(x)$ : Lực đo được

$x$ : Chỉ số hiển thị trên đồng hồ áp (MPa)

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

#### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.





HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG  
VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

### GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (No): HC000790 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Kích thủy lực 200 tấn**

Kiểu (Type): KN200-150 Số (Serial No): 50116 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo danh nghĩa:  $(0 \div 2000)$ kN

Đồng hồ đo áp suất số: 65560227049

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 01-2024

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Loadcell DS60        | TB02.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
*Ngô Văn Thịnh*

Giám đốc  
(Director)



GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000790

Trang (Page): 2/2

|    | Lực đo<br>(kN) | Giá trị chỉ thị trên đồng hồ<br>(MPa) |
|----|----------------|---------------------------------------|
| 1  | 0.0            | 0.0                                   |
| 2  | 400.0          | 6.7                                   |
| 3  | 600.0          | 10.3                                  |
| 4  | 800.0          | 13.7                                  |
| 5  | 1000.0         | 16.7                                  |
| 6  | 1200.0         | 20.0                                  |
| 7  | 1400.0         | 23.0                                  |
| 8  | 1600.0         | 26.5                                  |
| 9  | 1800.0         | 29.3                                  |
| 10 | 2000.0         | 32.6                                  |

Phương trình hiệu chuẩn:  $F(x) = 0.0051x^2 + 60.9x$

Trong đó:  $F(x)$ : Lực nén

$x$ : Chỉ số hiển thị trên đồng hồ áp (MPa)

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 2g$

(Hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 11/04/2025 Số (№): HC000211 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Kích thủy lực**

Kiểu (Type): DYG320150 Số (Serial №): 202302111 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo danh nghĩa:  $(0 \div 3200)$ kN

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Nơi hiệu chuẩn (Place of calibration): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 01-2024

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Loadcell DS60        | TB02.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

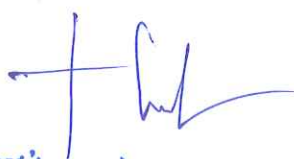
+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 11/04/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 11/04/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

  
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc  
(Director)

  
GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 11/04/2025 Số (No): HC00211

Trang (Page): 2/2

| TT | Lực đo<br>(kN) | Giá trị chỉ thị trên TB<br>(MPa) |
|----|----------------|----------------------------------|
| 1  | 0,0            | 0,00                             |
| 2  | 200            | 4,10                             |
| 3  | 600            | 12,20                            |
| 4  | 1000           | 20,20                            |
| 5  | 1400           | 28,20                            |
| 6  | 1800           | 36,10                            |
| 7  | 2200           | 43,90                            |
| 8  | 2500           | 49,80                            |
| 9  | 3000           | 59,76                            |

Phương trình hiệu chuẩn:  $F(x) = 0,0025 x^2 + 48,8 x$

Trong đó:  $F(x)$ : Lực nén.

$x$ : Chỉ số hiển thị trên đồng hồ áp (MPa)

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---





# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 01/06/2025 Số (Số): HC000789 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Kích thủy lực 16 tấn**

Kiểu (Type): Thủy lực Số (Serial No): 1603 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo danh nghĩa:  $(0 \div 160)\text{kN}$

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP KHẢO SÁT THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ (Address): Số 2 Nguyễn Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 01-2024

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Chuẩn<br>(Standards) | Mã nhận dạng<br>(ID) | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Loadcell DS60        | TB02.1               | VMI                              | 3/2026                     |

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 01/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 01/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
*Ngô Văn Thịnh*



GIÁM ĐỐC  
*Đỗ Đăng Chung*

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



hiệu chuẩn & đo lường  
việt nam

## CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

### KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 01/06/2025

Số (No): HC000789

Trang (Page): 2/2

| TT | Giá trị chỉ thị trên đồng hồ<br>(Mpa) | Lực đo được<br>(KN) |
|----|---------------------------------------|---------------------|
| 1  | 0                                     | 0,0                 |
| 2  | 5                                     | 16,1                |
| 3  | 10                                    | 35,2                |
| 4  | 15                                    | 52,3                |
| 5  | 20                                    | 71,7                |
| 6  | 25                                    | 90,4                |
| 7  | 30                                    | 109,5               |
| 8  | 35                                    | 123,8               |

Phương trình hiệu chuẩn:  $F(x) = 0,03 x^2 + 3,05 x$

Trong đó:  $F(x)$ : Lực đo được (kN)

$x$ : Chỉ số hiển thị trên đồng hồ áp (MPa)

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of):  $U = 1,8.10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%)

#### Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.